ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày……tháng……năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH QUY ĐỊNH TIÊU CHÍ, ĐIỀU KIỆN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ TRỰC TIẾP CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI DỰ ÁN SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ SỐ TRỌNG ĐIỂM; DỰ ÁN NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN, THIẾT KẾ, SẢN XUẤT, ĐÓNG GÓI, KIỂM THỬ SẢN PHẨM CHIP BÁN DẪN; DỰ ÁN XÂY DỰNG TRUNG TÂM DỮ LIỆU TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1. Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế: Không.

2. Đối với văn bản ban hành mới

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Khoản 4 Điều 28 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 quy định: *"4. Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo được nhà nước hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư xây dựng nhà máy, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị*	**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh** Nghị quyết này quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư xây dựng nhà máy, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị máy móc từ ngân sách Thành phố cho các dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung	(1) Cụ thể hóa đầy đủ nội dung được Quốc hội giao cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại khoản 4 Điều 28 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15, cụ thể: *"4. Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo được nhà nước hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư xây dựng nhà máy, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị máy móc từ nguồn chi đầu tư phát triển từ ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.*

máy móc từ nguồn chi đầu tư phát triển từ ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan. *Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án quy định tại khoản này phù hợp với điều kiện của địa phương."*	tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Luật Công nghiệp công nghệ số.	*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án quy định tại khoản này phù hợp với điều kiện của địa phương."* (2) Phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết xác định rõ: - Về nội dung quy phạm: Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư xây dựng nhà máy, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị máy móc từ ngân sách Thành phố. - Về nhóm dự án thuộc phạm vi điều chỉnh: Bao gồm 03 nhóm dự án triển khai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 28 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15, gồm: (1) dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; (2) dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; (3) dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo.
- Khoản 4 Điều 28 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 quy định: *"4. Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo được nhà nước hỗ trợ trực tiếp chi*	**Điều 2. Đối tượng áp dụng** 1. Nhà đầu tư thực hiện dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi chung là nhà đầu tư).	Về đối tượng áp dụng, dự thảo Nghị quyết quy định đối với 02 nhóm đối tượng cụ thể sau: (1) Đối với khoản 1: Áp dụng đối với nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc một trong 03 nhóm dự án quy định tại khoản 4 Điều 28 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Thuật ngữ nhà đầu tư được sử dụng thống nhất theo quy định tại khoản 18 Điều 3 Luật Đầu tư số 143/2025/QH15: *"18. Nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh, gồm nhà đầu tư*

phí đầu tư xây dựng nhà máy, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị máy móc từ nguồn chi đầu tư phát triển từ ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan. *Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án quy định tại khoản này phù hợp với điều kiện của địa phương."* - Khoản 18 Điều 3 Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 quy định: *"18. Nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh, gồm nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài."*	2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.	*trong nước, nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài."* Việc quy định đối tượng áp dụng là nhà đầu tư nói chung (không giới hạn loại hình doanh nghiệp 100% vốn trong nước hay doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) bảo đảm phù hợp với yêu cầu của Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 và nguyên tắc bình đẳng giữa các nhà đầu tư theo Luật Đầu tư số 143/2025/QH15, tạo cơ sở pháp lý để Thành phố thu hút cả các doanh nghiệp công nghệ trong nước và các tập đoàn công nghệ nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và sản phẩm công nghệ số trọng điểm. (2) Đối với khoản 2: Quy định áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan (bao gồm Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp, các Ban Quản lý chuyên ngành, cơ quan quản lý khu chức năng, Kho bạc Nhà nước Khu vực II, cơ quan thuế, đơn vị kiểm toán độc lập và các đơn vị phối hợp) nhằm bảo đảm cơ sở pháp lý đầy đủ cho các chủ thể tham gia vào quy trình tiếp nhận, đánh giá, thẩm định, phê duyệt, thanh toán, quyết toán và giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ.
- Khoản 4 Điều 28 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 quy định: *"4. Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển,*	**Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ**	Các nguyên tắc hỗ trợ tại Điều 3 được xây dựng trên cơ sở vận dụng tương tự các nguyên tắc quản lý, sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư của Chính phủ tại Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 (văn bản có cùng tính chất hỗ trợ trực tiếp bằng tiền từ ngân sách cho các dự án công nghệ cao, bán dẫn, trung tâm dữ liệu

thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo được nhà nước hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư xây dựng nhà máy, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị máy móc từ nguồn chi đầu tư phát triển từ ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan. *Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án quy định tại khoản này phù hợp với điều kiện của địa phương."* - Khoản 1 Điều 8 và khoản 4 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định: *"1. Ngân sách nhà nước được quản lý thống nhất, tập trung dân chủ, hiệu quả, tiết kiệm, công khai, minh bạch, công bằng; có phân công, phân cấp quản lý; gắn quyền hạn với*	1. Nhà đầu tư tự kê khai và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của các số liệu, thông tin, nội dung trong hồ sơ thực hiện thủ tục hỗ trợ chi phí. 2. Mức hỗ trợ chi phí tại Nghị quyết này được xác định căn cứ trên mức đề nghị của nhà đầu tư đáp ứng điều kiện hỗ trợ, quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền và bảo đảm nguyên tắc tổng kinh phí hỗ trợ không vượt quá dự toán ngân sách Thành phố bố trí hằng năm cho chính sách này.	trí tuệ nhân tạo) và các nguyên tắc của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, cụ thể như sau: (1) Đối với khoản 1: Áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư, cụ thể: *"3. Doanh nghiệp tự kê khai và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của các số liệu, thông tin, nội dung trong hồ sơ thực hiện thủ tục hỗ trợ chi phí."* Quy định này nhằm ràng buộc trách nhiệm pháp lý trực tiếp của nhà đầu tư đối với tính hợp pháp, trung thực của toàn bộ hồ sơ, chứng từ đề nghị chi ngân sách nhà nước. (2) Đối với khoản 2: Tham khảo và vận dụng quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP, cụ thể: *"4. Mức hỗ trợ chi phí tại Nghị định này được xác định căn cứ trên mức đề nghị của doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí, điều kiện hỗ trợ, quyết định của cấp có thẩm quyền và theo nguyên tắc quy định tại Điều 27 Nghị định này (Quỹ hỗ trợ cho doanh nghiệp bảo đảm không vượt quá nguồn tài chính của Quỹ)."* Đồng thời, điều chỉnh cho phù hợp với nguyên tắc cân đối ngân sách địa phương tại khoản 4 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15: *"4. Việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp bảo đảm nguồn*

trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước các cấp." *"4. Việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp; việc quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước phải bảo đảm trong phạm vi ngân sách theo phân cấp."*	3. Trường hợp dự án đồng thời đủ điều kiện hưởng hỗ trợ theo Nghị quyết này và chính sách hỗ trợ khác của Chính phủ hoặc Thành phố Hồ Chí Minh hoặc địa phương khác cho cùng một hạng mục chi phí đầu tư, thì nhà đầu tư được lựa chọn áp dụng một hình thức hỗ trợ, bảo đảm nguyên tắc chỉ được áp dụng hỗ trợ cho hạng mục này từ một hình thức hỗ trợ.	*tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp; việc quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước phải bảo đảm trong phạm vi ngân sách theo phân cấp."* (3) Đối với khoản 3: Áp dụng quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể: *"6. Trường hợp doanh nghiệp đồng thời thuộc đối tượng hưởng hỗ trợ từ Quỹ này và từ quỹ khác hoặc hình thức hỗ trợ khác của Chính phủ cho cùng một hạng mục hỗ trợ chi phí thì doanh nghiệp được lựa chọn loại hình hỗ trợ áp dụng theo nguyên tắc chỉ được áp dụng hỗ trợ cho hạng mục này từ một Quỹ hoặc một hình thức hỗ trợ, trừ trường hợp Chính phủ có quy định khác hoặc được Thủ tướng Chính phủ quyết định áp dụng khác."* Quy định này cũng thống nhất với khoản 9 Điều 14 Luật Đầu tư số 143/2025/QH15: *"9. Dự án đầu tư đáp ứng điều kiện hưởng các mức ưu đãi đầu tư khác nhau, bao gồm cả ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 17 của Luật này thì được áp dụng mức ưu đãi đầu tư cao nhất."* Mục đích là vừa ngăn chặn việc chi trùng lặp ngân sách nhà nước từ nhiều nguồn cho cùng một hạng mục chi phí đầu tư, vừa tạo điều kiện cho nhà đầu tư được lựa chọn phương thức hỗ trợ phù hợp đối với từng hạng mục khác nhau.

	4. Chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết này áp dụng đối với nhà đầu tư có dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật về đầu tư được cấp từ ngày Điều 28 Luật Công nghiệp công nghệ số có hiệu lực thi hành.	(4) Đối với khoản 4: Vận dụng nguyên tắc xác định mốc thời gian áp dụng đối với dự án đầu tư tại khoản 8 Điều 3 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP, cụ thể: *"8. Chính sách hỗ trợ tại Nghị định này áp dụng đối với doanh nghiệp có dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư..."* Việc xác định mốc thời gian dự án được cấp văn bản pháp lý về đầu tư kể từ ngày Điều 28 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 có hiệu lực thi hành bảo đảm tuân thủ nguyên tắc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật tại khoản 1, khoản 2 Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và giải quyết rõ ràng quy định chuyển tiếp đối với các dự án đầu tư.
	5. Việc hỗ trợ phải bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, bình đẳng, đúng đối tượng, đúng nội dung.	(5) Đối với khoản 5: Cụ thể hóa nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước tại khoản 1 Điều 8 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15: *"1. Ngân sách nhà nước được quản lý thống nhất, tập trung dân chủ, hiệu quả, tiết kiệm, công khai, minh bạch, công bằng; có phân công, phân cấp quản lý; gắn quyền hạn với trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước các cấp."* Đồng thời kế thừa nguyên tắc thực hiện chính sách hỗ trợ từ ngân sách Thành phố tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố (như Nghị quyết số 65/2024/NQ-HĐND).

	6. Kết thúc năm tài chính, nhà đầu tư có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện các nội dung cam kết khi nhận hỗ trợ. Báo cáo gửi về Sở Khoa học và Công nghệ và cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện thủ tục hỗ trợ chi phí trước ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo để theo dõi, giám sát. 7. Nhà đầu tư đã nhận kinh phí hỗ trợ phải bồi hoàn số tiền đã nhận vào ngân sách nhà nước trong các trường hợp sau đây: a) Không đáp ứng các tiêu chí, điều kiện và nội dung cam kết quy định tại Nghị quyết này; b) Hạng mục chi phí đề nghị hỗ trợ đã được nhận kinh phí từ hình thức hỗ trợ khác của Trung ương, Thành phố Hồ Chí Minh hoặc địa phương khác; c) Giả mạo hồ sơ, sử dụng chứng từ không hợp pháp hoặc kê khai thông tin không chính xác dẫn đến việc xác định số tiền hỗ trợ cao hơn mức thực tế đủ điều kiện được hưởng.	(6) Đối với khoản 6: Thiết lập cơ chế báo cáo định kỳ hằng năm (trước ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo sau khi kết thúc năm tài chính) để Sở Khoa học và Công nghệ và cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo dõi, giám sát việc tuân thủ các cam kết của nhà đầu tư trong suốt thời gian ràng buộc sau khi nhận kinh phí hỗ trợ (tham khảo cơ chế báo cáo giám sát tại Điều 34 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP và điểm a khoản 10 Điều 22 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP). (7) Đối với khoản 7: Tiếp thu ý kiến góp ý của các đơn vị về bổ sung cơ chế thu hồi, bồi hoàn kinh phí hỗ trợ; tham khảo quy định về thu hồi, bồi hoàn kinh phí tại Điều 36 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP và khoản 5 Điều 28 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP: *"5. Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia không thực hiện tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ đối với tổ chức, cá nhân đã và đang được nhận đặt hàng, tài trợ, hỗ trợ từ các nguồn kinh phí nhà nước khác cho cùng một nội dung, hạng mục. Việc phát hiện trùng lặp sau khi phê duyệt sẽ bị xử lý theo quy định, bao gồm thu hồi kinh phí và xử phạt tổ chức, cá nhân vi phạm nếu kê khai sai hoặc gian lận."* Quy định rõ 03 trường hợp bắt buộc bồi hoàn tại các điểm a, b, c khoản 7 Điều 3 tạo cơ sở pháp lý để cơ quan nhà nước thu hồi đầy đủ ngân sách khi nhà đầu tư vi phạm cam kết, nhận hỗ trợ trùng lặp hoặc gian lận hồ sơ.
Khoản 4 Điều 28 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 quy định:	**Điều 4. Tiêu chí xem xét hỗ trợ**	

"4. Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo được nhà nước hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư xây dựng nhà máy, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị máy móc từ nguồn chi đầu tư phát triển từ ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan. *Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án quy định tại khoản này phù hợp với điều kiện của địa phương."*	1. Dự án đề nghị hỗ trợ phải thuộc một trong các loại hình dự án với các tiêu chí kỹ thuật cụ thể sau đây: a) Đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm: sản phẩm đầu ra của dự án phải thuộc danh mục sản phẩm công nghệ số trọng điểm (không bao gồm các loại hình dịch vụ công nghệ số) ban hành kèm theo Thông tư số 31/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;	**(1) Đối với khoản 1: Áp dụng các quy định về phân loại dự án và tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Luật Công nghiệp công nghệ số và các văn bản hướng dẫn thi hành** ***(a) Đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm:*** Căn cứ khoản 2 Điều 14 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 quy định: *"2. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm trong từng thời kỳ phù hợp với yêu cầu quản lý của các ngành, lĩnh vực."* Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 31/2025/TT-BKHCN ban hành Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm, trong đó quy định 10 nhóm sản phẩm công nghệ số trọng điểm: 1. Trí tuệ nhân tạo, bản sao số, thực tế ảo/thực tế tăng cường: Mô hình ngôn ngữ lớn tiếng Việt; Trợ lý ảo; Trí tuệ nhân tạo chuyên ngành; Trí tuệ nhân tạo phân tích; Bản sao số (Digital Twin); Vũ trụ ảo (Metaverse); Thiết bị thông minh xử lý AI tại biên; Camera thông minh, camera AI và các phần mềm phân tích, xử lý và quản lý dữ liệu thu được từ camera; Phần mềm, nền tảng số phát triển các sản phẩm ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và phân tích dữ liệu lớn (Big Data). 2. Điện toán đám mây, lượng tử, dữ liệu lớn: Thiết bị và phần mềm của hệ thống điện toán đám mây; Dịch vụ điện toán đám mây; Dịch vụ điện toán lượng tử, truyền thông lượng tử; Trung tâm dữ liệu quy mô lớn.

		3. Chuỗi khối (Blockchain): Sản phẩm phần mềm ứng dụng công nghệ blockchain; Hệ thống truy xuất nguồn gốc; Hạ tầng mạng Blockchain. 4. Mạng di động thế hệ sau (5G/6G): Thiết bị, giải pháp mạng truy cập vô tuyến 5G/6G và các thế hệ sau; Thiết bị, giải pháp mạng lõi 5G/6G và các thế hệ sau; Thiết bị, giải pháp truyền dẫn IP tốc độ cao; Điện thoại di động thông minh 5G/6G và các thế hệ sau; Sợi quang, cáp quang và các thiết bị truyền dẫn, kết nối trong thông tin quang. 5. Robot và tự động hóa: Robot di động tự hành; Robot công nghiệp; Phần mềm, nền tảng số phục vụ phát triển, điều khiển và vận hành robot. 6. Chip bán dẫn: Chip chuyên dụng, chip AI, chip IoT. 7. Hàng không, vũ trụ: Vệ tinh viễn thám và viễn thông tầm thấp; Trạm mặt đất và điều khiển vệ tinh; Thiết bị bay không người lái; Phần mềm, nền tảng số phục vụ phát triển, điều khiển và vận hành vệ tinh, thiết bị bay không người lái. 8. An toàn thông tin mạng: Thiết bị, phần mềm nền tảng định danh và xác thực điện tử; Sản phẩm an toàn thông tin mạng: sản phẩm an toàn cho thiết bị đầu cuối, sản phẩm an toàn lớp mạng; sản phẩm an toàn lớp ứng dụng; sản phẩm bảo vệ dữ liệu; Giải pháp tường lửa, phát hiện và ngăn chặn xâm nhập; Giải pháp đảm bảo an ninh cho hạ tầng quan trọng và cơ sở dữ liệu quốc gia. 9. Nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung: Các nền tảng số thuộc Danh mục và kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng ban hành theo Quyết định số 2618/QĐ-

		BKHCN ngày 11/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và các quyết định bổ sung, sửa đổi Quyết định này. 10. Thiết bị IoT: Thiết bị, phần mềm, nền tảng IoT. Do đó, Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất sản phẩm đầu ra đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm phải thuộc danh mục sản phẩm công nghệ số trọng điểm được ban hành tại Thông tư số 31/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (đồng thời đáp ứng yêu cầu viện dẫn cụ thể tên văn bản theo ý kiến góp ý của Sở Tư pháp). Bên cạnh đó, Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất loại trừ các loại hình dịch vụ công nghệ số với lý do sau: - Khoản 4 Điều 28 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 quy định: *"4. Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo được nhà nước hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư xây dựng nhà máy, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị máy móc từ nguồn chi đầu tư phát triển từ ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan."* Như vậy, Luật Công nghiệp công nghệ số chỉ quy định việc hỗ trợ đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm. - Khoản 3 Điều 13 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 quy định:

		"3. Cung cấp dịch vụ công nghệ số là việc thực hiện một hoặc một số hoạt động: tư vấn, thiết kế, cài đặt, tích hợp, quản lý, vận hành, đào tạo, số hóa, xử lý dữ liệu, bảo hành, bảo trì, sửa chữa, tân trang, xuất bản, phân phối sản phẩm công nghệ số; cung cấp các sản phẩm công nghệ số dưới dạng dịch vụ và dịch vụ công nghệ số khác." - Còn đối với hoạt động sản xuất sản phẩm công nghệ số đã được quy định cụ thể tại khoản 2 Điều 13 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP như sau: + Khoản 2 Điều 13 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15: *"2. Sản xuất sản phẩm công nghệ số là việc thực hiện một hoặc một số công việc nghiên cứu và phát triển, thiết kế, lắp ráp, chế tạo, thử nghiệm, kiểm thử sản phẩm công nghệ số và các công việc khác để sản xuất ra các sản phẩm công nghệ số sau:* *a) Sản phẩm phần cứng là sản phẩm thiết bị công nghệ số, bộ phận của thiết bị công nghệ số, bao gồm: máy tính, thiết bị mạng, thiết bị ngoại vi; thiết bị viễn thông; thiết bị đa phương tiện; thiết bị truyền dẫn; thiết bị điện tử; thiết bị điện tử tích hợp công nghệ số; bộ phận và cụm linh kiện, linh kiện điện tử, chip bán dẫn và các sản phẩm phần cứng khác;* *b) Sản phẩm phần mềm là tập hợp các hướng dẫn, lệnh, dữ liệu số được thiết kế để điều khiển thiết bị công nghệ số thực hiện chức năng nhất định, bao gồm: phần mềm hệ thống; phần mềm ứng dụng; phần mềm tiện ích; phần*

		mềm công cụ; phần mềm nền tảng số và các phần mềm khác; *c) Sản phẩm nội dung số là thông tin được tạo ra, xử lý, lưu trữ và phân phối dưới dạng dữ liệu số, phục vụ mục đích giải trí, giáo dục, truyền thông, thương mại hoặc các nhu cầu xã hội khác. Sản phẩm nội dung số bao gồm: văn bản, dữ liệu số, hình ảnh, bản ghi âm, bản ghi hình hoặc các định dạng số khác."* + Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP: *"1. Sản xuất sản phẩm công nghệ số theo quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Công nghiệp công nghệ số, trong đó:* *a) Sản xuất sản phẩm phần cứng là việc thực hiện một hoặc một số công việc gồm: nghiên cứu và phát triển, thiết kế, chế tạo, lắp ráp, thử nghiệm, kiểm thử, đóng gói sản phẩm phần cứng và các công việc khác để sản xuất ra sản phẩm phần cứng;* *b) Sản xuất sản phẩm phần mềm, nội dung số là việc thực hiện một hoặc một số công việc gồm: nghiên cứu và phát triển, phân tích, sáng tạo, thiết kế, lập trình, thử nghiệm, kiểm thử, đóng gói sản phẩm phần mềm, nội dung số và các công việc khác để sản xuất ra sản phẩm phần mềm, nội dung số."* Căn cứ các quy định cụ thể nêu trên của Luật Công nghiệp công nghệ số thì việc loại trừ dịch vụ công nghệ số là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.
	b) Đối với dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn: hoạt	***(b) Đối với dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn:***

	động đầu tư của dự án phải thuộc một trong các hoạt động công nghiệp bán dẫn quy định tại các khoản 1, 4, 5, 6 Điều 38 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;	Là các dự án thuộc hoạt động công nghiệp bán dẫn quy định tại các khoản 1, 4, 5, 6 Điều 38 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15, cụ thể: (i) Nghiên cứu và phát triển về bán dẫn (khoản 1 Điều 38). (ii) Thiết kế sản phẩm bán dẫn (khoản 4 Điều 38). (iii) Sản xuất sản phẩm bán dẫn (khoản 5 Điều 38). (iv) Đóng gói, kiểm thử sản phẩm bán dẫn (khoản 6 Điều 38). Dự thảo Nghị quyết loại trừ 02 hoạt động của công nghiệp bán dẫn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 38 Luật Công nghiệp công nghệ số (gồm: sản xuất nguyên liệu, vật liệu cho công nghiệp bán dẫn; sản xuất thiết bị, máy móc, công cụ cho công nghiệp bán dẫn) do khoản 4 Điều 28 Luật Công nghiệp công nghệ số chỉ liệt kê trực tiếp các dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn. Đối với 02 hoạt động tại khoản 2, khoản 3 Điều 38, doanh nghiệp được hưởng chính sách ưu đãi riêng theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15: *"1. Hoạt động sản xuất nguyên liệu, vật liệu, thiết bị, máy móc, công cụ cho công nghiệp bán dẫn thuộc Danh mục nguyên liệu, vật liệu, thiết bị, máy móc, công cụ cho công nghiệp bán dẫn được khuyến khích đầu tư phát triển là ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan."*

	c) Đối với dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo: dự án phải có thiết kế hạ tầng tính toán hiệu năng cao phục vụ nghiên cứu, phát triển, huấn luyện hoặc triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo; đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm dữ liệu và các yêu cầu về quản lý, vận hành, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của Luật Viễn thông số 24/2023/QH15, Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành.	***(c) Đối với dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo:*** Dự án cần đáp ứng các yêu cầu chuyên ngành của Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 và Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15, cụ thể: - Về quy định của Luật Viễn thông số 24/2023/QH15: + Khoản 23 Điều 3 quy định: *"23. Trung tâm dữ liệu là công trình viễn thông, bao gồm nhà, trạm, hệ thống cáp, hệ thống máy tính và hệ thống điện cùng các thiết bị phụ trợ được lắp đặt vào đó để xử lý, lưu trữ và quản lý dữ liệu của một hoặc nhiều tổ chức, cá nhân."* + Khoản 1 Điều 4 quy định Chính sách của Nhà nước về viễn thông: *"1. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, kinh doanh viễn thông để phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông băng rộng phổ cập, trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây theo hướng bền vững, hiện đại; hình thành hạ tầng số đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số, xã hội số, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân."* + Điểm a và điểm c khoản 1 Điều 29 quy định về quyền của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu: *"a) Đầu tư kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây không giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc tỷ lệ đóng góp của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh;* ...

		c) Không phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin của người sử dụng dịch vụ trong quá trình xử lý, lưu trữ và truy xuất thông tin, trừ trường hợp luật khác có quy định." + Điều kiện, thủ tục đăng ký cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu, nghĩa vụ kết nối và nghĩa vụ công bố sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi đưa vào sử dụng được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 29, Điều 41 Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 và Điều 44 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông (trong đó khoản 3 Điều 29 quy định trước khi đưa trung tâm dữ liệu vào sử dụng để kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu cho công cộng, doanh nghiệp phải thực hiện công bố về sự phù hợp của trung tâm dữ liệu với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định). - Về quy định của Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15: Khác với trung tâm dữ liệu lưu trữ thông thường, trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo phải được thiết kế chuyên biệt với hạ tầng tính toán hiệu năng cao (mật độ tính toán lớn, cụm máy chủ GPU/chip AI chuyên dụng, hệ thống kết nối băng thông siêu cao và làm mát tiên tiến) phục vụ trực tiếp cho việc nghiên cứu, phát triển, huấn luyện hoặc triển khai các mô hình, ứng dụng trí tuệ nhân tạo; đồng thời phải tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro hệ thống trí tuệ nhân tạo, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15 và pháp luật có liên quan.

	2. Dự án đề nghị hỗ trợ phải đáp ứng các tiêu chí chung sau đây: a) Địa điểm triển khai dự án thuộc địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời nhà đầu tư có trụ sở chính hoặc chi nhánh hạch toán độc lập và thực hiện kê khai, nộp thuế tại Thành phố Hồ Chí Minh;	**(2) Đối với khoản 2: Thuyết minh các tiêu chí chung đối với dự án đề nghị hỗ trợ** (a) Về tiêu chí tại điểm a (địa điểm triển khai dự án tại Thành phố Hồ Chí Minh; nhà đầu tư có trụ sở chính hoặc chi nhánh hạch toán độc lập và thực hiện kê khai, nộp thuế tại Thành phố Hồ Chí Minh): - Tuân thủ nguyên tắc phân cấp quản lý ngân sách tại khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15: *"5. Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm; việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp."* - Phù hợp với phạm vi nhiệm vụ chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương tại điểm a khoản 1 Điều 39 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15: *"a) Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do địa phương quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công và thực hiện nhiệm vụ chi quy định tại điểm d khoản 5 Điều 9 của Luật này;"* - Bảo đảm hiệu quả quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP: *"1. Quản lý ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ là việc sử dụng thông tin về đầu ra, kết quả thực hiện và hiệu quả hoạt động của nhiệm vụ, khối lượng, chất lượng dịch vụ, sản phẩm gắn với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước hằng năm, đáp ứng điều*

		kiện quy định tại khoản 2 Điều này làm cơ sở để lập, phân bổ, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách." Việc yêu cầu dự án triển khai trên địa bàn Thành phố và nhà đầu tư có trụ sở chính hoặc chi nhánh hạch toán độc lập, kê khai nộp thuế tại Thành phố Hồ Chí Minh giúp bảo đảm nguồn chi ngân sách địa phương gắn liền với việc tạo lập hạ tầng sản xuất thực tế, tạo việc làm và đóng góp nguồn thu ngân sách bền vững tại địa phương.
	b) Trang thiết bị máy móc phục vụ trực tiếp cho hoạt động của dự án là tài sản mới 100%, chưa qua sử dụng;	(b) Về tiêu chí tại điểm b (trang thiết bị máy móc phục vụ trực tiếp cho hoạt động của dự án là tài sản mới 100%, chưa qua sử dụng): Quy định này nhằm bảo đảm nguồn vốn ngân sách Thành phố chỉ hỗ trợ cho các dự án đầu tư dây chuyền, trang thiết bị công nghệ hiện đại, tiên tiến, ngăn chặn rủi ro nhà đầu tư nhập khẩu máy móc, thiết bị đã qua sử dụng, công nghệ lạc hậu để đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí đầu tư tài sản cố định.
	c) Nhà đầu tư cam kết duy trì hoạt động của dự án và sử dụng tài sản đã được hỗ trợ chi phí cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong thời hạn ít nhất 03 năm liên tiếp kể từ thời điểm đưa vào khai thác, sử dụng;	(c) Về tiêu chí tại điểm c (cam kết duy trì hoạt động của dự án và sử dụng tài sản đã được hỗ trợ trong thời hạn ít nhất 03 năm liên tiếp): Áp dụng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 21 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể: *"a) Phải được sử dụng trong thời hạn ít nhất 03 năm liên tiếp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;"*

	d) Nhà đầu tư cam kết không bán, chuyển nhượng dự án đầu tư hoặc chuyển giao tài sản cố định đã được hỗ trợ chi phí cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân khác sử dụng trong thời hạn 03 năm kể từ thời điểm đưa vào khai thác, sử dụng.	(d) Về tiêu chí tại điểm d (cam kết không bán, chuyển nhượng dự án hoặc chuyển giao tài sản cố định đã được hỗ trợ trong thời hạn 03 năm): Áp dụng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 21 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể: *"b) Không được bán, chuyển nhượng hay chuyển giao cho tổ chức, doanh nghiệp khác sử dụng trong thời hạn 03 năm kể từ năm đưa tài sản cố định vào sử dụng."* Hai tiêu chí tại điểm c và điểm d nhằm ràng buộc trách nhiệm gắn bó lâu dài của nhà đầu tư tại Thành phố Hồ Chí Minh, ngăn chặn tình trạng nhà đầu tư sau khi nhận tiền hỗ trợ từ ngân sách lập tức bán, chuyển nhượng dự án hoặc di dời máy móc, thiết bị sang địa phương, quốc gia khác.
	3. Tiêu chí ưu tiên trong xét duyệt và phân bổ kinh phí hỗ trợ	**(3) Đối với khoản 3: Thuyết minh các tiêu chí ưu tiên trong xét duyệt và phân bổ kinh phí hỗ trợ** Khoản 3 quy định 07 tiêu chí ưu tiên làm cơ sở để cơ quan tiếp nhận hồ sơ và Sở Khoa học và Công nghệ đánh giá, xếp thứ tự ưu tiên phân bổ dự toán ngân sách trong trường hợp tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ của các dự án đủ điều kiện vượt quá dự toán ngân sách Thành phố bố trí hằng năm, cụ thể:
	a) Dự án thuộc danh mục ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 36 Luật Phát triển đô thị;	(a) Điểm a: Căn cứ quy định tại Điều 36 Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 về các lĩnh vực, dự án thuộc danh mục ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược của đô thị đặc biệt để ưu tiên phân bổ nguồn lực cho các dự án quy mô lớn, có sức lan tỏa đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh.

	b) Dự án triển khai tại Khu công nghệ cao, Khu công nghệ số tập trung, Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu thương mại tự do hoặc các khu chức năng khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;	(b) Điểm b: Căn cứ định hướng phát triển Khu công nghệ cao, Khu công nghệ số tập trung tại Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15, Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15 và Điều 28 Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 nhằm khuyến khích nhà đầu tư triển khai dự án bên trong các khu chức năng đã được quy hoạch đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường.
	c) Nhà đầu tư sở hữu công nghệ thuộc danh mục công nghệ chiến lược, danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển do cấp có thẩm quyền ban hành; hoặc có văn bằng bảo hộ độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn còn hiệu lực tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài gắn trực tiếp với sản phẩm của dự án; hoặc có trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;	(c) Điểm c: Căn cứ quy định tại khoản 16 Điều 3 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 (*"16. Trung tâm nghiên cứu và phát triển là tổ chức chuyên thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, được công nhận theo tiêu chí năng lực và kết quả hoạt động."*); khoản 4, 5 Điều 11 và khoản 3, 4 Điều 12 Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15 (về chính sách ưu đãi cao nhất đối với trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược) và điểm d khoản 2 Điều 8 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP (*"Ưu tiên công nghệ của dự án, phương án đầu tư phải thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao; Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển; Danh mục công nghệ chiến lược theo quy định của pháp luật."*). Tiêu chí này nhằm ưu tiên các nhà đầu tư nắm giữ công nghệ lõi, có văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ hoặc đầu tư trung tâm R&D tại Thành phố.

	d) Dự án có văn bản thỏa thuận hợp tác chuyển giao công nghệ hoặc hợp đồng nguyên tắc sử dụng sản phẩm, linh kiện, dịch vụ phụ trợ của các doanh nghiệp trong nước (ưu tiên doanh nghiệp có trụ sở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh) tham gia vào chuỗi cung ứng của dự án;	(d) Điểm d: Căn cứ khoản 5a Điều 3 Luật Chuyển giao công nghệ (được bổ sung bởi điểm b khoản 2 Điều 1 Luật số 115/2025/QH15): *"5a. Đẩy mạnh chuyển giao công nghệ cao, công nghệ chiến lược, công nghệ tiên tiến từ nước ngoài vào Việt Nam; khuyến khích chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài; thúc đẩy chuyển giao công nghệ trong nước; chú trọng lan tỏa công nghệ cao, công nghệ chiến lược, công nghệ tiên tiến từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang doanh nghiệp trong nước; thúc đẩy phong trào đổi mới sáng tạo của tổ chức, cá nhân."* Đồng thời căn cứ khoản 2 Điều 7 Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15 (*"gắn đầu tư với nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, hình thành cơ sở nghiên cứu và phát triển, đào tạo, phát triển chuỗi cung ứng và nâng cao năng lực làm chủ công nghệ của doanh nghiệp Việt Nam"*) và điểm e khoản 1 Điều 30 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 (*"e) Thúc đẩy hợp tác, liên kết giữa các doanh nghiệp công nghệ số, viện, trường để hình thành hệ sinh thái sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số."*). Việc thiết kế nội dung liên kết chuỗi cung ứng nội địa thành tiêu chí ưu tiên (thay vì điều kiện bắt buộc) giúp vừa khuyến khích doanh nghiệp nội địa tham gia chuỗi cung ứng, vừa bảo đảm phù hợp với khoản 1 Điều 10 Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 theo ý kiến góp ý của Sở Công Thương.
	đ) Dự án áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, đạt chứng nhận công trình xanh hoặc áp dụng tiêu chuẩn thực hành môi trường - xã hội - quản	(đ) Điểm đ: Áp dụng chính sách phát triển công nghiệp công nghệ số bền vững tại khoản 9 Điều 4 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15:

	trị (ESG) theo tiêu chuẩn trong nước hoặc quốc tế được công nhận; đối với dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo có thiết kế chỉ số hiệu quả sử dụng năng lượng (PUE) không vượt quá 1,4;	*"9. Phát triển công nghiệp công nghệ số bền vững, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường."* Đối với trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo là công trình tiêu thụ điện năng rất lớn cho hệ thống tính toán và làm mát, việc quy định tiêu chí ưu tiên thiết kế chỉ số hiệu quả sử dụng năng lượng (PUE) không vượt quá 1,4 nhằm khuyến khích áp dụng công nghệ làm mát tiên tiến, tiết kiệm năng lượng theo tiêu chuẩn trung tâm dữ liệu xanh quốc tế. Việc đề xuất chỉ số hiệu quả sử dụng năng lượng (PUE) không vượt quá 1,4 căn cứ trên chỉ tiêu về phát triển hạ tầng số nêu tại điểm b Khoản 2 Mục II Điều 1 Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể *"Trung tâm dữ liệu đạt tiêu chuẩn xanh theo các tiêu chuẩn quốc tế, trong đó chỉ số hiệu quả sử dụng năng lượng (PUE) của trung tâm dữ liệu được đầu tư xây dựng mới không vượt quá 1,4"*
	e) Dự án có sản phẩm, giải pháp công nghệ số, vi mạch bán dẫn hoặc hạ tầng tính toán trí tuệ nhân tạo phục vụ trực tiếp các nhiệm vụ trọng điểm, bài toán về phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh của Thành phố Hồ Chí Minh (trong các lĩnh vực: hạ tầng số, điều hành đô thị thông minh, bản sao số, giao thông, y tế, giáo dục, môi trường, chống ngập và an toàn thông tin) theo chương trình, kế hoạch hoặc danh mục các	(e) Điểm e: Cụ thể hóa định hướng gắn kết các dự án được ngân sách Thành phố hỗ trợ với việc cung cấp sản phẩm, giải pháp công nghệ số, vi mạch bán dẫn, hạ tầng tính toán phục vụ trực tiếp các chương trình, kế hoạch, bài toán lớn về phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh do Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ công bố.

	nhiệm vụ, bài toán do Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ công bố; g) Dự án có tài trợ phòng thí nghiệm dùng chung, tài trợ công cụ và phần mềm phục vụ công tác giảng dạy, cấp học bổng hoặc cử chuyên gia tham gia giảng dạy trực tiếp tại các trường đại học trên địa bàn Thành phố.	(g) Điểm g: Cụ thể hóa chính sách tại khoản 3 Điều 18 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15: *"3. Hỗ trợ hợp tác, kết nối giữa doanh nghiệp và viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong đào tạo nhân lực công nghiệp công nghệ số..."* Và khoản 1 Điều 34 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15: *"1. Nhà nước thúc đẩy phát triển toàn diện hệ thống đổi mới sáng tạo lấy doanh nghiệp làm trung tâm, bảo đảm kết nối hiệu quả giữa doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, cơ sở nghiên cứu, tổ chức trung gian, cơ quan nhà nước và cộng đồng."* Tiêu chí này khuyến khích các nhà đầu tư tài trợ phòng thí nghiệm dùng chung, bản quyền phần mềm thiết kế chuyên dụng (như phần mềm EDA thiết kế vi mạch), học bổng và cử chuyên gia tham gia giảng dạy tại các trường đại học trên địa bàn Thành phố.
- Khoản 4 Điều 28 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 quy định: *"4. Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán*	**Điều 5. Điều kiện xem xét hỗ trợ**	Các điều kiện xem xét hỗ trợ tại Điều 5 được thiết kế theo nguyên tắc hỗ trợ sau đầu tư (chỉ giải ngân ngân sách nhà nước sau khi nhà đầu tư đã hoàn thành đầu tư, hình thành tài sản cố định trên thực tế và đưa vào khai thác, sử dụng), cụ thể như sau:

dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo được nhà nước hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư xây dựng nhà máy, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị máy móc từ nguồn chi đầu tư phát triển từ ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan. *Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án quy định tại khoản này phù hợp với điều kiện của địa phương."* - Khoản 2 và khoản 3 Điều 57 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 quy định: *"2. Hạng mục công trình, công trình xây dựng hoàn thành chỉ được phép đưa vào khai thác, sử dụng sau khi được nghiệm thu bảo đảm yêu cầu của thiết kế xây dựng, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng, quy định về quản lý, sử dụng vật liệu xây dựng và được nghiệm	1. Dự án quy định tại Điều 1 Nghị quyết này đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư hoặc các giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật về đầu tư. 2. Nhà đầu tư không có các khoản nợ thuế, nợ ngân sách nhà nước quá hạn tại thời điểm nộp hồ sơ.	(1) Đối với khoản 1 (Điều kiện về pháp lý đầu tư của dự án): Quy định này bảo đảm ngân sách Thành phố chỉ hỗ trợ cho các dự án đầu tư hợp pháp, tuân thủ quy định tại Điều 23, Điều 24, Điều 26 và Điều 28 Luật Đầu tư số 143/2025/QH15. Đặc biệt, đối với các dự án công nghệ số, bán dẫn, trung tâm dữ liệu thực hiện tại khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu công nghiệp áp dụng thủ tục đầu tư đặc biệt theo Điều 28 Luật Đầu tư số 143/2025/QH15, khoản 2 và khoản 4 Điều 28 quy định: *"2. Dự án đăng ký đầu tư theo quy định của Điều này không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư..."* *"4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là cơ sở để Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; thực hiện các thủ tục hành chính; thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá, xử lý vi phạm hành chính và quản lý nhà nước đối với dự án."* Đồng thời, việc bổ sung cụm từ hoặc các giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật về đầu tư bảo đảm tương thích với khoản 8 Điều 3 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP đối với trường hợp dự án của nhà đầu tư trong nước không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư và không thuộc diện bắt buộc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. (2) Đối với khoản 2 (Điều kiện hoàn thành nghĩa vụ thuế, ngân sách):

thu theo quy định của Luật này và tuân thủ quy định khác của pháp luật có liên quan. *3. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng. Tổ chức, cá nhân tham gia nghiệm thu chịu trách nhiệm về sản phẩm do mình xác nhận khi nghiệm thu công trình xây dựng."*	3. Đối với hạng mục xây dựng nhà máy và hạ tầng kỹ thuật, nhà đầu tư đã hoàn thành thi công xây dựng mới, tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình và bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng.	Áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể: *"4. Doanh nghiệp không có các khoản nợ thuế hoặc nợ ngân sách nhà nước quá hạn tại thời điểm nộp hồ sơ."* Quy định này nhằm bảo đảm kỷ luật tài chính - ngân sách, chỉ xem xét hỗ trợ ngân sách cho các nhà đầu tư chấp hành nghiêm nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. (3) Đối với khoản 3 (Điều kiện nghiệm thu đối với hạng mục xây dựng nhà máy và hạ tầng kỹ thuật): Dự thảo khoản 3 được xây dựng căn cứ khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 57 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15, cụ thể: *"2. Hạng mục công trình, công trình xây dựng hoàn thành chỉ được phép đưa vào khai thác, sử dụng sau khi được nghiệm thu bảo đảm yêu cầu của thiết kế xây dựng, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng, quy định về quản lý, sử dụng vật liệu xây dựng và được nghiệm thu theo quy định của Luật này và tuân thủ quy định khác của pháp luật có liên quan.* *3. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng. Tổ chức, cá nhân tham gia nghiệm thu chịu trách nhiệm về sản phẩm do mình xác nhận khi nghiệm thu công trình xây dựng.* *4. Các công trình xây dựng thuộc dự án quan trọng quốc gia, công trình có quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp, công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng phải được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm*

		thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng trước khi đưa công trình vào khai thác." Việc yêu cầu hoàn thành thi công xây dựng mới, nghiệm thu hoàn thành công trình và bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng giúp loại trừ trường hợp thuê lại nhà xưởng có sẵn hoặc cải tạo nhỏ lẻ, bảo đảm tài sản cố định được hình thành mới trên địa bàn Thành phố.
	4. Đối với hạng mục trang thiết bị máy móc, nhà đầu tư phải đáp ứng các điều kiện sau đây:	(4) Đối với khoản 4 (Điều kiện nghiệm thu và chứng từ đối với hạng mục trang thiết bị máy móc): Quy định riêng điều kiện cho hạng mục trang thiết bị máy móc:
	a) Đã hoàn thành việc mua sắm, lắp đặt hệ thống trang thiết bị máy móc mới 100%, chưa qua sử dụng; đã nghiệm thu vận hành đồng bộ và bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng phục vụ trực tiếp cho hoạt động của dự án;	- Tại điểm a: Yêu cầu thiết bị máy móc phải hoàn thành mua sắm, lắp đặt mới 100%, đã nghiệm thu vận hành đồng bộ và bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng thực tế phục vụ trực tiếp cho dự án (tránh trường hợp mua thiết bị về lưu kho nhưng chưa lắp đặt, vận hành đã đề nghị nhận tiền hỗ trợ).
	b) Có hóa đơn hợp pháp, chứng từ thanh toán và hồ sơ, tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ, nhãn mác, chứng nhận chất lượng thiết bị mới 100% theo quy định của pháp luật.	- Tại điểm b: Yêu cầu phải có đầy đủ hóa đơn hợp pháp, chứng từ thanh toán và hồ sơ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ (CO), nhãn mác, chứng nhận chất lượng (CQ) thiết bị mới 100% theo quy định của pháp luật về kế toán, thương mại và hải quan để làm căn cứ kiểm tra, đối chiếu khi thẩm định và kiểm toán.

- Khoản 4 Điều 28 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 quy định: *"4. Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo được nhà nước hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư xây dựng nhà máy, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị máy móc từ nguồn chi đầu tư phát triển từ ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.* *Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án quy định tại khoản này phù hợp với điều kiện của địa phương."* - Điều 4 Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Chính	**Điều 6. Nội dung và mức hỗ trợ** 1. Mức hỗ trợ: a) Hỗ trợ 10% chi phí thực tế đầu tư xây dựng nhà máy và hạ tầng kỹ thuật hình thành tài sản cố định đã được tổ chức kiểm toán độc lập xác nhận (không vượt quá suất vốn đầu tư do Bộ Xây dựng ban hành hoặc tổng mức đầu tư đã được thẩm định theo quy định), mức hỗ trợ tối đa là 100 tỷ đồng/dự án.	**(1) Đối với khoản 1: Thuyết minh về nội dung, căn cứ xác định chi phí và định mức hỗ trợ** (a) Về nội dung hạng mục hỗ trợ và cơ sở xác định giá trị tính hỗ trợ: - Nội dung hỗ trợ gồm 02 nhóm hạng mục: (i) đầu tư xây dựng nhà máy và hạ tầng kỹ thuật; (ii) đầu tư trang thiết bị máy móc, bám theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15. - Cơ sở để tính tỷ lệ hỗ trợ 10% là chi phí thực tế hình thành tài sản cố định (đối với nhà máy, hạ tầng kỹ thuật) và nguyên giá tài sản cố định thực tế hình thành (đối với trang thiết bị máy móc) đã được tổ chức kiểm toán độc lập xác nhận. Quy định này vận dụng tương tự phương pháp xác định mức hỗ trợ chi phí đầu tư tạo tài sản cố định tại khoản 2 Điều 21 và điểm d khoản 1 Điều 33 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP của Chính phủ, đồng thời phù hợp với khoản 2 Điều 79 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 và Điều 4 Nghị định số 193/2026/NĐ-CP. - Riêng đối với hạng mục xây dựng nhà máy và hạ tầng kỹ thuật, dự thảo quy định khống chế chi phí tính hỗ trợ không vượt quá suất vốn đầu tư do Bộ Xây dựng ban hành hoặc tổng mức đầu tư đã được thẩm định theo quy định (tham khảo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố) nhằm bảo đảm an toàn ngân sách, ngăn chặn rủi ro nhà đầu tư khai tăng chi phí xây dựng vượt định

phủ quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án quy định: *"Vốn đầu tư được quyết toán là toàn bộ chi phí hợp pháp đã thực hiện (bao gồm cả các chi phí thanh toán hợp đồng bảo hiểm, phí, lệ phí, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán) trong quá trình đầu tư để đưa dự án vào khai thác, sử dụng hoặc dừng thực hiện theo văn bản cho phép dừng thực hiện của người có thẩm quyền quyết định đầu tư."*	b) Hỗ trợ 10% nguyên giá tài sản cố định thực tế hình thành đối với hạng mục trang thiết bị máy móc đã được tổ chức kiểm toán độc lập xác nhận, mức hỗ trợ tối đa là 100 tỷ đồng/dự án.	mức kinh tế - kỹ thuật để nhận mức hỗ trợ cao hơn thực tế. (b) Về tỷ lệ hỗ trợ (10%) và mức hỗ trợ tối đa (100 tỷ đồng/dự án cho mỗi hạng mục, tổng cộng tối đa không quá 200 tỷ đồng/dự án): - Căn cứ khoản 4 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 về việc ban hành chính sách mới phải phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, mức hỗ trợ 10% chi phí thực tế hình thành tài sản cố định (tối đa 100 tỷ đồng/dự án đối với hạng mục xây dựng nhà máy, hạ tầng kỹ thuật và tối đa 100 tỷ đồng/dự án đối với hạng mục trang thiết bị máy móc) được thiết kế tương xứng với vị thế kinh tế của Thành phố Hồ Chí Minh và đủ sức hấp dẫn để chia sẻ chi phí vốn ban đầu với nhà đầu tư. Trong đó áp dụng mức chi tương đương so với Nghị quyết do HĐND Thành phố Cần Thơ ban hành. - So sánh tương quan với chính sách của Trung ương và các địa phương khác: + So với Nghị định số 182/2024/NĐ-CP của Chính phủ: Nghị định số 182/2024/NĐ-CP quy định hỗ trợ nguyên giá tài sản cố định với tỷ lệ từ 10% đến 30% nhưng chỉ áp dụng cho các dự án bán dẫn, trí tuệ nhân tạo có quy mô vốn đầu tư tối thiểu từ 6.000 tỷ đồng hoặc doanh thu từ 10.000 tỷ đồng/năm trở lên. Dự thảo Nghị quyết của Thành phố với tỷ lệ hỗ trợ 10% và mức trần 100 tỷ đồng/hạng mục (tổng cộng tối đa 200 tỷ đồng/dự án) sẽ hỗ trợ trực tiếp cho phân khúc các dự án có quy mô vốn dưới 6.000 tỷ đồng (như các dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, thiết kế, đóng gói, kiểm thử vi

		mạch bán dẫn, trung tâm dữ liệu AI chuyên dụng có quy mô từ vài trăm tỷ đến dưới 6.000 tỷ đồng), tạo sự phân tầng đồng bộ, bổ trợ với Quỹ Hỗ trợ đầu tư của Trung ương. + So với các tỉnh, thành phố khác: Mức hỗ trợ tối đa 200 tỷ đồng/dự án (gồm 100 tỷ đồng cho xây dựng và 100 tỷ đồng cho thiết bị) tương đương với mức trần hỗ trợ của Thành phố Cần Thơ (tối đa 200 tỷ đồng/dự án) và cao hơn các địa phương có quy mô ngân sách nhỏ hơn như tỉnh An Giang (Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 quy định tối đa 40 tỷ đồng/dự án) hoặc tỉnh Tuyên Quang (Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 quy định tối đa 30 tỷ đồng/dự án).
	2. Đối với các dự án thực hiện theo nhiều giai đoạn hoặc đầu tư mở rộng, kinh phí hỗ trợ được tính cộng dồn qua các đợt xét duyệt, bảo đảm tổng số tiền nhận hỗ trợ qua các giai đoạn không vượt quá mức hỗ trợ tối đa quy định tại khoản 1 Điều này.	**(2) Đối với khoản 2: Thuyết minh quy định cộng dồn kinh phí hỗ trợ đối với dự án phân kỳ đầu tư hoặc đầu tư mở rộng** Khoản 5 Điều 14 Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 quy định: *"5. Ưu đãi đầu tư được áp dụng đối với dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng."* Trong thực tiễn, các dự án nhà máy bán dẫn, sản xuất phần cứng công nghệ số hoặc trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo thường được phân kỳ đầu tư theo nhiều giai đoạn hoặc đầu tư mở rộng nâng công suất. Khoản 2 Điều 6 cho phép nhà đầu tư được nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo từng giai đoạn hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng, nhưng giới hạn tổng số tiền nhận hỗ trợ cộng dồn qua tất cả các giai đoạn và các lần mở rộng không vượt quá mức hỗ trợ tối đa quy định tại khoản 1 Điều 6 (không quá 100

		tỷ đồng/dự án cho hạng mục xây dựng và không quá 100 tỷ đồng/dự án cho hạng mục thiết bị) nhằm ngăn ngừa việc chia nhỏ dự án thành nhiều giai đoạn để nhận hỗ trợ vượt mức trần quy định.
- Khoản 4 Điều 28 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 quy định: *"4. Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo được nhà nước hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư xây dựng nhà máy, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị máy móc từ nguồn chi đầu tư phát triển từ ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.* *Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án quy định tại khoản này phù hợp với điều kiện của địa phương."*	**Điều 7. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ** 1. Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ a) Văn bản đề nghị hưởng hỗ trợ chi phí theo Mẫu số 01/HTCP. b) Bản sao hợp lệ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương. c) Bản gốc hoặc bản sao hợp lệ xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế của cơ quan thuế quản lý trực tiếp nhà đầu tư, ngoại trừ trường hợp tổ chức, doanh nghiệp mới thành lập để thực hiện dự án.	Tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Tư pháp về việc khoản 4 Điều 28 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 giao thẩm quyền trực tiếp cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định trình tự, thủ tục hỗ trợ (không giao lại cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định trình tự, thủ tục), Điều 7 dự thảo Nghị quyết đã quy định đầy đủ, chi tiết về thành phần hồ sơ, cơ quan tiếp nhận, trình tự đánh giá và quy trình chi trả kinh phí hỗ trợ trên cơ sở vận dụng tương tự thủ tục hỗ trợ đầu tư ban đầu tại Điều 28 và Điều 33 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể như sau: **(1) Đối với khoản 1 (Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ):** Áp dụng tương tự quy định về hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí tại khoản 1 Điều 33 và các khoản 5, 8, 9 Điều 28 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể: - Điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 33 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP quy định: *"1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí đầu tư ban đầu bao gồm:* *a) Văn bản đề nghị hưởng hỗ trợ chi phí theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;*

- Khoản 6 Điều 21 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước quy định: *"6. Đối với các khoản chi đầu tư phát triển:* *a) Việc chi cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ thuộc đối tượng đầu tư công, không bao gồm các nhiệm vụ quy định tại điểm b và điểm c khoản này, thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;* *b) Việc chi cấp bù lãi suất, phí quản lý cho ngân hàng chính sách được thực hiện trong phạm vi dự toán được giao, theo tiến độ thực hiện và theo quy định của pháp luật có liên quan;* *c) Việc chi cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng khác theo quyết định*	d) Tài liệu xác định các chi phí đầu tư đối với các hạng mục đề nghị hỗ trợ đã được kiểm toán bởi cơ quan kiểm toán độc lập kèm bảng kê khai các chi phí đề nghị hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này. Chi phí đề nghị hỗ trợ phải có hóa đơn chứng từ hợp pháp và được lưu trữ tại nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về kế toán. đ) Văn bản cam kết về việc hưởng hỗ trợ được thực hiện theo nguyên tắc, tiêu chí, điều kiện quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 Nghị quyết này theo Mẫu số 02/HTCP.	*b) Bản sao hợp lệ quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;* *c) Bản gốc hoặc bản sao hợp lệ xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế của cơ quan thuế quản lý trực tiếp doanh nghiệp, ngoại trừ trường hợp doanh nghiệp mới thành lập để thực hiện dự án;* *d) Tài liệu xác định các chi phí đầu tư đối với các hạng mục đề nghị hỗ trợ đã được kiểm toán bởi cơ quan kiểm toán độc lập kèm bảng kê khai các chi phí đề nghị hỗ trợ theo quy định tại Nghị định này. Chi phí đề nghị hỗ trợ phải có hóa đơn chứng từ hợp pháp và được lưu trữ tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về kế toán;* *đ) Văn bản cam kết về việc hưởng hỗ trợ được thực hiện theo nguyên tắc, điều kiện quy định tại Nghị định này…"* - Đồng thời kết hợp quy định tại khoản 5, khoản 8 và khoản 9 Điều 28 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP: *"5. Chi phí đề nghị hỗ trợ phải có hóa đơn chứng từ hợp pháp và được lưu trữ tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về kế toán…* *8. Bản gốc hoặc bản sao hợp lệ xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế của cơ quan thuế quản lý trực tiếp doanh nghiệp, ngoại trừ trường hợp doanh nghiệp mới thành lập để thực hiện dự án.* *9. Văn bản cam kết về việc hưởng hỗ trợ được thực hiện theo nguyên tắc, điều kiện quy định tại Nghị định này."* Các thành phần hồ sơ được chuẩn hóa kèm theo Mẫu số 01/HTCP và Mẫu số 02/HTCP ban hành tại Phụ lục của

của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ được thực hiện trong phạm vi dự toán được giao, theo tiến độ thực hiện và theo quy định của pháp luật có liên quan; *d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác được thực hiện trong phạm vi dự toán được giao, theo tiến độ thực hiện và theo quy định của pháp luật có liên quan.”*	2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và xử lý hồ sơ thực hiện thủ tục hỗ trợ chi phí a) Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp, các Ban Quản lý chuyên ngành và cơ quan quản lý khu chức năng tiếp nhận hồ sơ thực hiện thủ tục hỗ trợ chi phí đối với các dự án đầu tư thực hiện trong phạm vi khu chức năng được giao quản lý (bao gồm: khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu thương mại tự do, khu logistics tích hợp, khu chức năng trong khu kinh tế, khu kinh tế đặc biệt và các khu chức năng mới được thành lập theo quy định của pháp luật); b) Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ thực hiện thủ tục hỗ trợ chi phí đối với các dự án đầu tư thực hiện	Nghị quyết để bảo đảm tính minh bạch, thống nhất và kiểm soát chặt chẽ thủ tục hành chính. **(2) Đối với khoản 2 (Cơ quan tiếp nhận và xử lý hồ sơ):** Tham khảo cơ chế phân công đầu mối tiếp nhận hồ sơ tại khoản 2 Điều 28 và khoản 2 Điều 33 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP của Chính phủ, kết hợp với thực tiễn phân cấp quản lý nhà nước đối với các khu chức năng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh: - Tại điểm a: Giao Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp, các Ban Quản lý chuyên ngành và cơ quan quản lý khu chức năng trực tiếp tiếp nhận, xử lý hồ sơ đối với các dự án đầu tư thực hiện trong phạm vi khu chức năng được giao quản lý. Quy định này phù hợp với cơ chế giải quyết thủ tục hành chính một cửa tại chỗ của các Ban Quản lý, do đây là các cơ quan trực tiếp cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và theo dõi sát quá trình xây dựng, lắp đặt thiết bị của dự án trong khu chức năng. - Tại điểm b: Giao Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, xử lý hồ sơ đối với các dự án nằm ngoài các khu chức

	ngoài phạm vi các khu chức năng quy định tại điểm a khoản này hoặc dự án đầu tư thực hiện trong các khu chức năng chưa thành lập Ban Quản lý chuyên ngành, chưa được Ủy ban nhân dân Thành phố phân công, giao nhiệm vụ cho cơ quan quản lý trực tiếp.	năng hoặc tại các khu chức năng chưa thành lập Ban Quản lý chuyên ngành, bảo đảm phủ kín toàn bộ các dự án trên địa bàn Thành phố mà không bị chồng chéo hay bỏ sót đầu mối tiếp nhận.
	3. Trình tự và thủ tục đánh giá đề nghị hỗ trợ chi phí a) Nhà đầu tư nộp 08 bộ hồ sơ thực hiện thủ tục hỗ trợ chi phí (trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc) trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua dịch vụ bưu chính trước ngày 30 tháng 6 hằng năm. b) Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc có nội dung cần làm rõ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí của nhà đầu tư, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư, nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc lý do từ chối. Trong thời hạn 10 ngày, nhà đầu tư có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu.	**(3) Đối với khoản 3 (Trình tự và thủ tục đánh giá đề nghị hỗ trợ chi phí):** Tham khảo và vận dụng quy trình, thời hạn đánh giá hồ sơ tại khoản 3 Điều 28 và khoản 3 Điều 33 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP của Chính phủ, điều chỉnh phù hợp với thẩm quyền của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, cụ thể: - Quy định rõ số lượng hồ sơ (08 bộ, trong đó có 01 bộ gốc) và mốc thời gian nộp hồ sơ hằng năm (trước ngày 30 tháng 6 hằng năm) tại điểm a để các cơ quan có đủ thời gian thẩm định, tổng hợp kịp chu kỳ lập và phân bổ dự toán ngân sách hằng năm. - Quy định cụ thể thời hạn kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ (05 ngày làm việc), thời hạn nhà đầu tư sửa đổi, bổ sung (10 ngày) tại điểm b; thời hạn gửi lấy ý kiến các sở, ngành liên quan (03 ngày làm việc) và thời hạn cơ quan phối hợp trả lời (15 ngày) tại điểm c, d; thời hạn thông báo yêu cầu giải trình (03 ngày làm việc) và thời hạn nhà đầu tư giải trình (30 ngày) tại điểm đ.

	c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan. d) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến có văn bản trả lời về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi cơ quan tiếp nhận hồ sơ. đ) Trường hợp cơ quan được lấy ý kiến có yêu cầu nhà đầu tư giải trình nội dung trong hồ sơ đề nghị, cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổng hợp các nội dung cần làm rõ và gửi văn bản cho nhà đầu tư trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu từ cơ quan tiếp nhận hồ sơ, nhà đầu tư có trách nhiệm giải trình, bổ sung tài liệu có liên quan và điều chỉnh hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí (nếu có). e) Trên cơ sở hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí của các nhà đầu tư, ý kiến bằng văn bản của các cơ quan được lấy ý kiến và văn bản giải trình của nhà đầu tư (nếu có), cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập báo cáo đánh giá đề nghị hỗ trợ chi phí của các nhà đầu tư theo các nội dung quy định tại Mẫu số 03/HTCP;	- Quy định cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập Báo cáo đánh giá đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 03/HTCP (điểm e) và gửi báo cáo tổng hợp về Sở Khoa học và Công nghệ chậm nhất vào ngày 01 tháng 10 hằng năm (điểm g); trong thời hạn 20 ngày, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính rà soát, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt danh sách nhà đầu tư và mức kinh phí hỗ trợ cho từng dự án trong phạm vi dự toán ngân sách được giao (điểm h).

	g) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổng hợp các đề nghị hỗ trợ chi phí của nhà đầu tư, gửi báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ chậm nhất vào ngày 01 tháng 10 hằng năm. h) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo tổng hợp của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính rà soát, tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt danh sách nhà đầu tư và mức kinh phí hỗ trợ cho từng dự án trong phạm vi dự toán ngân sách được giao. 4. Quy trình thực hiện chi hỗ trợ theo hình thức lệnh chi tiền a) Căn cứ văn bản phê duyệt tổng mức hỗ trợ chi phí của Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ gửi thông báo về hạn mức kinh phí hỗ trợ cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ có dự án được duyệt, đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước Khu vực II để phối hợp thực hiện; b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu các tài liệu và thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà	**(4) Đối với khoản 4 (Quy trình thực hiện chi hỗ trợ theo hình thức lệnh chi tiền):** Quy định trình tự thông báo hạn mức kinh phí, ban hành Quyết định hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư cho từng nhà đầu tư theo Mẫu số 04/HTCP (trong thời hạn 15 ngày) và lập hồ sơ đề nghị chi gửi Sở Tài chính thực hiện thanh toán qua Kho bạc Nhà nước Khu vực II bằng hình thức lệnh chi tiền. Quy trình này được xây dựng trên cơ sở vận dụng tương tự khoản 4 Điều 33 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP của Chính phủ và tuân thủ nghiêm ngặt quy định về chấp hành ngân sách nhà nước theo hình thức lệnh chi tiền tại khoản 6 Điều 21 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà

	nước và ban hành quyết định hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư cho từng nhà đầu tư đủ điều kiện (Mẫu số 04/HTCP), đồng thời gửi quyết định hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư về Sở Khoa học và Công nghệ để theo dõi, tổng hợp; c) Căn cứ hạn mức hỗ trợ được thông báo, quyết định hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư cho các nhà đầu tư và dự toán ngân sách được giao, cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập hồ sơ đề nghị chi gửi Sở Tài chính để thực hiện thanh toán bằng hình thức lệnh chi tiền theo quy định tại Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.	nước và Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP. Hình thức lệnh chi tiền giúp giải quyết vướng mắc về kiểm soát chi ngân sách nhà nước đối với khoản hỗ trợ sau đầu tư cho doanh nghiệp ngoài nhà nước đã hoàn thành công trình, hạng mục và đã có báo cáo kiểm toán độc lập xác nhận.
- Khoản 4 Điều 28 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 quy định: *"4. Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán*	**Điều 8. Lập, giao dự toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ** 1. Lập và giao dự toán ngân sách nhà nước a) Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, bố trí, điều chỉnh kế hoạch vốn	(1) Đối với khoản 1 (Lập và giao dự toán ngân sách nhà nước): Kế thừa quy trình lập, bố trí, điều chỉnh kế hoạch vốn hằng năm và phân khai chi tiết kinh phí hỗ trợ đã được áp dụng ổn định tại Điều 11 và Điều 12 Quy định ban

dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo được nhà nước hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư xây dựng nhà máy, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị máy móc từ nguồn chi đầu tư phát triển từ ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan. *Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án quy định tại khoản này phù hợp với điều kiện của địa phương."* - Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án.	hằng năm trong kế hoạch đầu tư công để thực hiện hỗ trợ cho các dự án. b) Căn cứ kế hoạch vốn hằng năm đã được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định phân khai chi tiết kinh phí hỗ trợ cho các dự án. 2. Quyết toán kinh phí hỗ trợ a) Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo Sở Tài chính cấp mã quan hệ ngân sách, mã dự án và thực hiện chủ trì thẩm tra quyết toán kinh phí hỗ trợ cho dự án.	hành kèm theo Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố, cụ thể: - Điều 11 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND: *"Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, bố trí, điều chỉnh kế hoạch vốn hỗ trợ lãi suất hàng năm cho các dự án được hỗ trợ trong kế hoạch đầu tư công."* - Điều 12 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND: *"Căn cứ kế hoạch vốn hàng năm đã được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định phân khai chi tiết vốn hỗ trợ lãi suất cho Chủ đầu tư của các dự án."* Quy định này bảo đảm tuân thủ đúng thẩm quyền quyết định và phân bổ dự toán ngân sách địa phương của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 145/2025/QH15) và Nghị định số 73/2026/NĐ-CP. (2) Đối với khoản 2 (Quyết toán kinh phí hỗ trợ): - Tại điểm a: Kế thừa quy định tại Điều 14 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố: *"Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo Sở Tài chính cấp mã quan hệ ngân sách, mã dự án và thực hiện quyết toán*

	b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện thủ tục quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án.	*kinh phí hỗ trợ lãi suất cho dự án theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai Nghị quyết này."* Đồng thời điều chỉnh giao Sở Tài chính thực hiện chủ trì thẩm tra quyết toán kinh phí hỗ trợ cho dự án để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan tài chính địa phương. - Tại điểm b: Quy định rõ trách nhiệm của cơ quan tiếp nhận hồ sơ (Ban Quản lý các khu chức năng hoặc Sở Khoa học và Công nghệ - đơn vị ban hành quyết định hỗ trợ và lập hồ sơ đề nghị chi ngân sách) thực hiện thủ tục quyết toán khoản kinh phí ngân sách đã chi hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án, bảo đảm khép kín chu trình quản lý, sử dụng và quyết toán vốn đầu tư phát triển của ngân sách Thành phố.
- Khoản 4 Điều 28 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 quy định: *"4. Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo được nhà nước hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư xây dựng nhà máy, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị*	**Điều 9. Nguồn kinh phí thực hiện** Kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ quy định tại Điều 6 của Nghị quyết này được bố trí từ nguồn chi đầu tư phát triển trong dự toán ngân sách hằng năm của Thành phố theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.	Quy định bố trí kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ từ nguồn chi đầu tư phát triển trong dự toán ngân sách hằng năm của Thành phố bảo đảm tuân thủ đầy đủ các căn cứ pháp lý sau: (1) Tuân thủ đúng quy định về nguồn chi tại khoản 4 Điều 28 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15: *"4. Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo được nhà nước hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư xây dựng nhà máy, hạ tầng kỹ*

máy móc từ nguồn chi đầu tư phát triển từ ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan. *Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án quy định tại khoản này phù hợp với điều kiện của địa phương."* - Khoản 5 Điều 8 và khoản 1 Điều 39 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định: *"5. Bảo đảm ưu tiên bố trí ngân sách cho chi đầu tư phát triển để thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong từng thời kỳ về phát triển kinh tế; phát triển giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; giảm nghèo bền vững; phát triển nông nghiệp, nông thôn, y tế; chính sách dân tộc; thực hiện mục tiêu bình*		*thuật, trang thiết bị máy móc từ nguồn chi đầu tư phát triển từ ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan."* (2) Phù hợp với nguyên tắc ưu tiên bố trí ngân sách và nhiệm vụ chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương theo Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 145/2025/QH15) và Nghị định số 73/2026/NĐ-CP: - Khoản 5 Điều 8 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định: *"5. Bảo đảm ưu tiên bố trí ngân sách cho chi đầu tư phát triển để thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong từng thời kỳ về phát triển kinh tế; phát triển giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; giảm nghèo bền vững; phát triển nông nghiệp, nông thôn, y tế; chính sách dân tộc; thực hiện mục tiêu bình đẳng giới và những chính sách quan trọng khác."* - Điểm b và điểm d khoản 1 Điều 39 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định nhiệm vụ chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương bao gồm: *"b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của địa phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp của địa phương theo quy định của pháp luật;* *.....* *d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật."*

đẳng giới và những chính sách quan trọng khác.” *“1. Chi đầu tư phát triển:* *a) Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do địa phương quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công và thực hiện nhiệm vụ chi quy định tại điểm d khoản 5 Điều 9 của Luật này;* *b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của địa phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp của địa phương theo quy định của pháp luật;* *c) Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương;*		- Điểm d khoản 6 Điều 21 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP quy định: *“d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác được thực hiện trong phạm vi dự toán được giao, theo tiến độ thực hiện và theo quy định của pháp luật có liên quan.”*

d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật."		
- Khoản 3 Điều 59 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 quy định trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, người có thẩm quyền: *"3. Tổ chức thi hành, theo dõi và sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật."* - Khoản 1 Điều 6, khoản 9 Điều 15 và điểm b khoản 1 Điều 16 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định: *"1. Ủy ban nhân dân ở cấp chính quyền địa phương do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra, là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật và nghị quyết của Hội đồng nhân dân ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương, Hội đồng nhân dân*	**Điều 10. Tổ chức thực hiện** 1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định pháp luật; định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố kết quả thực hiện.	(1) Đối với khoản 1: Căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm b khoản 1 Điều 16 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15: *"1. Ủy ban nhân dân ở cấp chính quyền địa phương do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra, là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật và nghị quyết của Hội đồng nhân dân ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương, Hội đồng nhân dân cùng cấp và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên."* *"b) Tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật ở địa phương; tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp; bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực và các nguồn lực khác để thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương."* Đồng thời, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp về việc không giao lại cho Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết trình tự, thủ tục hỗ trợ (do toàn bộ tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung, mức hỗ trợ và hệ thống biểu mẫu đã được Hội đồng nhân dân Thành phố quy định trực tiếp trong Nghị quyết này), khoản 1 Điều 10 chỉ giao Ủy ban nhân dân Thành phố trách nhiệm tổ

cùng cấp và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên.” *“9. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp mình; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình, Ủy ban nhân dân cùng cấp, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và cơ quan khác ở địa phương.”* *“b) Tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật ở địa phương; tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp; bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực và các nguồn lực khác để thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương.”*	2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.	chức triển khai thực hiện Nghị quyết và định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố kết quả thực hiện. (2) Đối với khoản 2: Quy định trách nhiệm giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố theo đúng quy định tại khoản 9 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15: *“9. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp mình; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình, Ủy ban nhân dân cùng cấp, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và cơ quan khác ở địa phương.”*
Khoản 1 Điều 53 và khoản 1, khoản 2 Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 quy định:	**Điều 11. Hiệu lực thi hành** 1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.	(1) Đối với khoản 1:

"1. Thời điểm có hiệu lực toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại văn bản đó nhưng không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở trung ương; không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương."		Thời điểm có hiệu lực thi hành của Nghị quyết được xác định tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15: *"1. Thời điểm có hiệu lực toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại văn bản đó nhưng không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở trung ương; không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương."* Theo đó, ngày có hiệu lực cụ thể được xác định bảo đảm không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua Nghị quyết.
"1. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực. *2. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi, sự kiện xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực."*	2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định tại các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.	(2) Đối với khoản 2: Quy định nguyên tắc áp dụng văn bản dẫn chiếu trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế nhằm bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và khả năng áp dụng liên tục của Nghị quyết trong thực tiễn, phù hợp với khoản 1 và khoản 2 Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15: *"1. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực.* *2. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi, sự kiện xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực."*

- Khoản 4 Điều 28 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 quy định: *"4. Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo được nhà nước hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư xây dựng nhà máy, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị máy móc từ nguồn chi đầu tư phát triển từ ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.* *Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án quy định tại khoản này phù hợp với điều kiện của địa phương."*	**Hệ thống biểu mẫu kèm theo Nghị quyết:** - **Mẫu số 01/HTCP:** Văn bản đề nghị hưởng hỗ trợ chi phí đầu tư. - **Mẫu số 02/HTCP:** Văn bản cam kết về việc hưởng hỗ trợ chi phí đầu tư.	Để bảo đảm Nghị quyết có thể triển khai áp dụng trực tiếp ngay sau khi có hiệu lực thi hành, minh bạch hóa thủ tục hành chính và thống nhất cách thức kê khai, thẩm định, ban hành quyết định hỗ trợ giữa các cơ quan tiếp nhận hồ sơ (Sở Khoa học và Công nghệ, các Ban Quản lý khu chức năng), dự thảo Nghị quyết ban hành kèm theo 04 biểu mẫu trên cơ sở tham khảo, vận dụng cấu trúc biểu mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 182/2024/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định số 347/2025/NĐ-CP quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và thể thức văn bản hành chính tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, cụ thể: (1) **Mẫu số 01/HTCP (Văn bản đề nghị hưởng hỗ trợ chi phí đầu tư):** Vận dụng cấu trúc Mẫu số 02 Phụ lục Nghị định số 182/2024/NĐ-CP, được thiết kế khớp với Điều 4, Điều 5, Điều 6 dự thảo Nghị quyết, gồm 03 phần: (I) Thông tin chung về dự án đầu tư; (II) Đánh giá sự phù hợp với tiêu chí kỹ thuật chuyên ngành và kê khai các tiêu chí ưu tiên; (III) Bảng kê khai chi phí thực tế hình thành tài sản cố định được kiểm toán độc lập xác nhận và số tiền đề nghị hỗ trợ kỳ này. (2) **Mẫu số 02/HTCP (Văn bản cam kết về việc hưởng hỗ trợ chi phí đầu tư):** Cụ thể hóa điểm đ khoản 1 Điều 7 dự thảo Nghị quyết (vận dụng điểm đ khoản 1 Điều 33 và khoản 9 Điều 28 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP), quy định đầy đủ 06 nội dung cam kết pháp lý của nhà đầu tư tương ứng với Điều 3, Điều 4, Điều 5 dự thảo Nghị quyết và cam kết bồi hoàn ngân sách nhà nước nếu vi phạm.

	- **Mẫu số 03/HTCP:** Báo cáo đánh giá đề nghị hỗ trợ chi phí đầu tư.	(3) **Mẫu số 03/HTCP (Báo cáo đánh giá đề nghị hỗ trợ chi phí đầu tư):** Cụ thể hóa điểm e khoản 3 Điều 7 dự thảo Nghị quyết (vận dụng Mẫu số 03 Phụ lục Nghị định số 182/2024/NĐ-CP), chuẩn hóa khung báo cáo thẩm định của cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, bao gồm: Phần thứ nhất (Tài liệu đánh giá, căn cứ pháp lý và quá trình tổ chức đánh giá lấy ý kiến liên ngành) và Phần thứ hai (Ý kiến đánh giá chi tiết từng điều kiện, tiêu chí bắt buộc, tiêu chí ưu tiên, bảng thẩm định chi phí hợp lệ và kiến nghị mức hỗ trợ).
	- **Mẫu số 04/HTCP:** Quyết định về việc hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư cho Nhà đầu tư thực hiện Dự án.	(4) **Mẫu số 04/HTCP (Quyết định về việc hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư):** Cụ thể hóa điểm b khoản 4 Điều 7 dự thảo Nghị quyết, chuẩn hóa mẫu quyết định hành chính của Thủ trưởng cơ quan tiếp nhận hồ sơ để làm căn cứ pháp lý lập hồ sơ đề nghị Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước Khu vực II giải ngân kinh phí hỗ trợ bằng hình thức lệnh chi tiền cho nhà đầu tư theo quy định tại Nghị định số 73/2026/NĐ-CP, Thông tư số 26/2026/TT-BTC và Nghị định số 347/2025/NĐ-CP.